

Bản án số: 17 /2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 11 – 5 - 2022  
V/v “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Cúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Lê Thế Hải
2. Ông: Nguyễn Đức Hưng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Việt Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H - Sinh năm: 1992 – Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá B - Sinh năm: 1988 – Vắng mặt

Đều có ĐKKHKT: thôn Bắc S, xã Phú S, thị xã Nghi S, tỉnh Thanh H

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Lê Thị H trình bày như sau:*** Chị và anh Nguyễn Bá B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú S, huyện Tĩnh G nay là xã Phú S, thị xã Nghi S vào ngày 14/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên nghi ngờ, tình cảm vợ chồng không còn, đã nhiều lần vợ chồng sống ly thân. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhưng vẫn không thay đổi. Đến tháng 5/2018 cho đến nay chị và anh B sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống chị và anh B có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 25/5/2011 và cháu Nguyễn Hồng B, sinh ngày

03/8/2012. Nay ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản và công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Anh Nguyễn Bá B trình bày tại bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải và phiên tòa như sau:** Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do bản thân anh bị tai nạn nên chị H tự ý bỏ đi và sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị H làm đơn ly hôn anh xét thấy tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung như chị H trình bày là đúng. Nguyên vọng của anh xin được nuôi cả hai con và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 12/01/2022, anh lại xác định do anh thường xuyên đi làm cả ngày hơn nữa kể từ thời điểm sống ly thân các cháu đều ở cùng chị H nên khi ly hôn anh cũng đồng ý giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 01 triệu đồng/ tháng.

Về tài sản và công nợ chung: Anh xác định anh và chị H có một ngôi nhà cấp bốn xây trên đất của bà nội anh vào năm 2009, có diện tích khoảng 30m<sup>2</sup>, trị giá khoảng 20 triệu.

+ Về công nợ chung: Anh và chị H có vay của anh Lê Hữu Th số tiền 204.700.000đ.

Anh đề nghị Tòa án chia đôi tài sản và công nợ cho anh và chị H theo quy định pháp luật. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh không nộp tiền tạm ứng án phí đối với phần yêu cầu chi tài sản và công nợ chung của vợ chồng và bỏ đi khỏi địa phương.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn phát biểu ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Bá B. Về con chung giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi cháu 01 triệu/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 06/2022 cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động. Anh B được quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản; Về tài sản và công nợ chung: sau khi anh B có đơn đề nghị giải quyết về phần tài sản và công nợ chung, TAND Thị xã Nghi Sơn đã giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản và công nợ nhưng anh B không nộp và cũng không có thông tin cho Tòa án biết vì vậy đề nghị HĐXX không giải quyết phần tài sản và công nợ chung của chị H và anh B mà giành quyền khởi kiện chia tài sản và công nợ cho anh B bằng một vụ

án khác khi anh có yêu cầu. Buộc chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và anh B phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Bá B là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn anh B hiện đang cư trú trên địa bàn thị xã Nghi Sơn nên TAND Thị xã Nghi Sơn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án anh B luôn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án sau đó tự ý rời khỏi địa phương, Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định, và giao Quyết định hoãn phiên tòa cho anh B, thời điểm này anh B có mặt tại địa phương đã tự đọc Quyết định hoãn phiên tòa nhưng từ chối nhận Quyết định hoãn phiên tòa điều nay chứng tỏ anh B tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của bản thân vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H và anh B trình bày là khác nhau. Tuy nhiên cả hai đều xác định vợ chồng sống ly thân đã nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của chị H và anh B xác định anh chị kết hôn hợp pháp tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay còn nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không biết.

Điều này chứng tỏ anh B và chị H không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống không hạnh phúc nên HĐXX thấy cần chấp nhận đề nghị ly hôn của chị H và anh B.

[3] Về con chung: Chị H và anh B có hai con chung Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 25/5/2011 và cháu Nguyễn Hồng B, sinh ngày 03/8/2012. Khi ly hôn HĐXX căn cứ vào Điều 81; Điều 82 Luật HN&GD chấp nhận nguyện vọng của chị H, anh B cũng như các cháu Th và B giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 01 triệu đồng/ cháu, hai cháu là 02 triệu đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022 cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động. Anh B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị H không được ngăn cấm. Trong trường hợp anh B lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H được quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh B.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Sau khi anh B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và công nợ chung, Tòa án đã giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí về việc chia tài sản và công nợ chung nhưng anh B không nộp tiền tạm ứng án

phí chia tài sản, Tòa án đã triệu tập anh B lên hòa giải nhưng anh B đã tự ý đi khỏi địa phương, không báo cáo chính quyền địa phương điều này chứng tỏ anh B tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết phần tài sản và công nợ chung của anh B và chị H mà giành quyền khởi kiện chia tài sản và công nợ chung của vợ chồng trong thời gian chung sống cho anh B khi anh B có yêu cầu và đủ điều kiện để khởi kiện. Trong quá trình thụ lý giải quyết chị H cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và công nợ chung nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và anh B phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS ;

Căn cứ vào các Điều 51, 56; khoản 2 Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H

**1. Về hôn nhân:** Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Bá B.

**2. Về con chung:** Chị H và anh B có hai con chung: cháu Nguyễn Thị Hồng Th, sinh ngày 25/5/2011 và cháu Nguyễn Hồng B, sinh ngày 03/8/2012.

Giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Anh B cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 01 triệu đồng/ cháu, hai cháu là 02 triệu đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6/2022 cho tới khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động. Anh B được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung chị H không được ngăn cấm. Trong trường hợp anh B lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H được quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh B.

**3. Về tài sản và công nợ chung:** Chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Giam quyền khởi kiện cho anh B về phần chia tài sản và công nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi anh có yêu cầu và có đủ điều kiện khởi kiện.

**4. Về án phí:** Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012003 ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã thi hành xong phần án phí. Anh B phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử lại theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- CC.THA-DS thị xã Nghi Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã phú Sơn, TX. Nghi Sơn, Thanh Hóa.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Cúc**

